

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Tân**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Sĩ Quang – Bà Nguyễn Thị Bích Liên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương – Có quan điểm xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 06/4/2012. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm. Năm 2020 chị H đi Hàn Quốc lao động, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, tuy nhiên do sống xa nhau,

hai bên không tìm được tiếng nói chung, cả hai đều nghi ngờ sự chung thủy dẫn đến bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra từ đầu năm 2023, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H theo quy định.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Lê Anh Th, sinh ngày 24/6/2012, hiện đang ở cùng với anh. Nay anh có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị Phạm Thị H) thể hiện: Chị H hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng chị H thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Mâu thuẫn giữ anh C và chị H nguyên nhân do hai bên thiếu tin tưởng, dẫn đến bất đồng quan điểm, cả hai sống ly thân trong thời gian dài. Nay anh C có đơn ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho chị H biết. Chị H không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà qua điện thoại và xác định anh C có đơn ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị H cũng nhất trí giao con chung cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh Lê Văn C và chị Phạm Thị H kết hôn hợp pháp, thông qua gia đình địa phương nắm được chị H, anh C sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H về nhà bố mẹ đẻ sau đó đi nước ngoài. Nay anh C có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Cháu Lê Anh Thư là con chung của anh C, chị H có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa: Anh Lê Văn C vắng mặt, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Chị Phạm Thị H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh Lê Văn C ly hôn chị Phạm Thị H. Về con chung: Giao con chung là Lê Anh Th, sinh ngày 24/6/2012 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C và gia đình bà Nguyễn Thị Tới không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Tới vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho chị H biết việc anh C đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho chị H biết. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ hai, anh C có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 06/4/2012, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, khoảng năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân, mỗi người sống một nơi dẫn đến nghi ngờ, thiếu sự tin tưởng, không tìm được tiếng nói chung trong quan hệ hôn nhân. Chị Phạm Thị H không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, chị H xác định không còn tình cảm với anh C nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Văn C và chị Phạm Thị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận

yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Lê Văn C ly hôn chị Phạm Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Văn C và chị Phạm Thị H có một con chung là Lê Anh Thư, sinh ngày 24/6/2012. Xét về thực tế chị H đang ở nước ngoài không có đủ điều kiện để nuôi con, thông qua gia đình chị H cũng nhất trí để anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh C có đủ điều kiện nuôi con và hiện nay cháu Thư đang được chăm sóc, học tập và phát triển tốt, nên để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Lê Văn C nuôi dưỡng con chung Lê Anh Thư và chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp chị H có căn cứ cho rằng anh C không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Lê Văn C** ly hôn chị **Phạm Thị H**.
2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Anh Thư, sinh ngày 24/6/2012 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị Phạm Thị H cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Phạm Thị H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000443 ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C; huyện K, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**